

Bản án số: 28/2024/HNGĐ - ST
Ngày 27 - 02- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ

Ông Hoàng Bá Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Chiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn 4, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Trọng B, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/4/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp

được và không có hạnh phúc, từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, chị đưa cả hai con về nhà ngoại ở xã V, huyện V ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng sống ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Lê Trọng Q, sinh ngày 29/12/2011 và Lê Trọng S, sinh ngày 10/12/2017, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai con ở với chị H tại quê ngoại cho đến nay. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho một con, hai con là 4.000.000 đồng/tháng, tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Trọng B: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Bình, do anh B không có mặt tại gia đình, nên Tòa án tổng đạt thông qua mẹ đẻ anh Bình là bà Nguyễn Thị T, bà T nhận và cam đoan sẽ thông báo và giao lại các văn bản tố tụng cho anh B.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hương và anh B, theo biên bản xác minh ngày 15/12/2023 xác định: Quá trình chung sống vợ chồng anh B, chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B ham chơi, không chịu khó làm ăn, kể từ năm 2021 chị H bỏ về quê ngoại ở xã V, huyện V sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Lê Trọng B, mẹ anh B là bà Nguyễn Thị T, cho biết: anh B và chị H kết hôn năm 2011 sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình bà tại thôn V, xã H, thị xã N, quá trình chung sống đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B ham chơi không chăm lo cho vợ con, khoảng từ tháng 4 năm 2021 chị H về quê ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H và anh B có 02 con chung hiện nay cả hai con đều đang ở với chị H. Về tài sản chung chị H và anh B không có gì.

Anh B hiện nay do nợ nần nhiều, nên đi làm trong miền nam thỉnh thoảng mới về nhà, việc chị H yêu cầu ly hôn anh B có biết và anh có nói là việc ly hôn là quyền của chị H.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Về hôn nhân giải quyết cho chị H được ly hôn anh B; Về con chung: giao cả hai con chung là cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 29/12/2011 và Lê Trọng S, sinh ngày 10/12/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét; Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh B; anh B cư trú tại xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh B theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không chăm lo cho vợ con, anh chị sống ly thân thời gian dài mỗi người mỗi nơi, vợ chồng không gần nhau nên tình cảm phai nhạt. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B. Anh B đã biết việc chị H yêu cầu ly hôn, nhưng không đến Tòa án để giải quyết và tham gia phiên hòa giải, thể hiện anh B không tha thiết níu kéo hạnh phúc gia đình.

Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, không có hạnh phúc vợ chồng sống ly thân thời gian dài.

Căn cứ vào trình bày của chị H và kết quả xác minh có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là Lê Trọng Q, sinh ngày 29/12/2011 và Lê Trọng S, sinh ngày 10/12/2017, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Q và cháu S ở với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

HĐXX xét thấy chị H có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, kể từ khi vợ chồng sống ly thân các con ở với chị H, anh B không chăm lo cho các con, cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 29/12/2011 và Lê Trọng S, sinh ngày 10/12/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Hương không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Trọng B.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 29/12/2011 và Lê Trọng S, sinh ngày 10/12/2017 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Trọng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012690 ngày 04/10/2023.

4. Quyền kháng cáo: Chị H và anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn